

312 Câu Tụng

Căn Bản Duy Thức Học

Cs Hạnh Cơ tập hợp và chuyển dịch từ hai bản Luận:
Duy Thức Tam Thập Tụng, nguyên tác Phạn văn của Bồ-tát Thế Thân,
pháp sư Huyền Trang dịch ra Hán văn;
Bát Thức Qui Củ Tụng, nguyên tác Hán văn của pháp sư Huyền Trang

---o0o---

Nguồn

<http://www.hoavouu.com>

Chuyển sang ebook 10-06-2014

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

01. DẪN NHẬP
02. THỨC A-LẠI-DA (THỨC THỨ TÁM)
03. THỨC MẠT NA (THỨC THỨ BẢY)
04. THỨC LIỄU BIỆT CẢNH (SÁU THỨC TRƯỚC)
- 04a. Ý THỨC (THỨC THỨ SÁU)
- 04b. NĂM THỨC TRƯỚC (TIỀN NGŨ THỨC)
06. BA TỰ TÁNH VÀ BA VÔ TÁNH CỦA VẠN PHÁP
07. NĂM ĐỊA VỊ TU CHỨNG

---o0o---

01. DẪN NHẬP

Thế gian NGÃ và PHÁP,
gồm muôn hình vạn trạng,

tất cả không thật có,
đều do THỨC chuyển biến.
Thức (năng biến) có ba:
Tàng thức(A-lại-da),
Tư-lương thức (Mạt-na),
và *Liêu-biệt-cảnh thức*.

---o0o---

02. THỨC A-LẠI-DA (THỨC THỨ TÁM)

Thứ nhất: *A-lại-da*,
thường gọi tên Tàng thức,
cũng gọi Di-thục thức,
hay Nhất-thiết-chủng thức.

Tánh vô phú vô kí.

Huân tập mọi chủng tử,
chứa giữ và chuyển hiện,
căn thân, khí, nhận thức.

Cách nhận thức: *hiện-lượng*.

Đối tượng là *tánh cảnh*
(gồm chủng tử, căn thân,
cùng vô tình thể gian).

Tương ưng năm biên-hành:

*xúc*cùng với *tác-ý*,

xả-thọ, *tưởng*, và *tư*,

đều vô phú vô kí.

Biển Tàng thức mênh mông,
sâu thăm khó nghĩ lường,
từ đó bày chuyên thức
hiện khởi và sinh tồn.
Không thể nào nhận biết

sự hoạt động thâm tế
của tất cả chúng tử
trong thức A-lại-da.
Cũng không biết đường lối
A-lại-da chấp thọ;
liễu biệt; và thọ sinh
vào ba cõi, chín địa.
Hằng chuyển như dòng thác.
Đi sau, đến trước tiên.
A-la-hán, Bất-động,
rời bỏ tên “*Tàng thức*”;
đền địa vị Diệu-giác,
“*Di-thục thức*” sạch không;
chúng tử thuần vô lậu,
chuyển thành “*Vô-cấu thức*”.
Đó là trí “*Đại-viên*”,
là tuệ giác Phật-đà,
chiếu sáng mười phương cõi,
độ muôn loài chúng sinh.

---o0o---

03. THỨC MẠT NA (THỨC THỨ BẢY)

Thứ nhì: thức *Mạt-na*,
được gọi tên là *Ý*.
Bản chất và hành tướng
là *hằng thẩm tư lương*.
Chuyển hiện từ Tàng thức,
lại bám chặt Tàng thức,
chấp làm Ngã, Ngã-sở,
ngày đêm đắm hôn mê.

Bốn thiền nào căn bản:
ngã-sivà ngã-kiến,
ngã-mạn cùng ngã-ái,
luôn đeo dính ngăn che.
Tương ứng năm biến-hành
(thọ đây là *xả-thọ*);
tâm sở *tuệ*(biệt-cảnh);
tám thiền nào đại-tùy.
Mạt-na (và tâm sở)
tánh hữu phú vô kí.
Chỉ duyên cảnh *đới-chất*.
Cách nhận thức: *phi-lượng*.
Mạt-na làm chỗ nương
cho cả sáu chuyển thức
theo đó thành nhiễm, tịnh,
nên gọi “*nhiễm-tịnh-y*”.
Ở địa vị phạm phu,
A-lại-da sinh đầu,
Mạt-na sinh theo đó,
“hằng, thâm” luôn chấp ngã.
Hoan-hỉ-địa, bắt đầu
chuyển thành “*Bình-đẳng-tánh*”;
La-hán, Diệt-tận-định,
Bát-địa: hết chấp Ngã.
Chứng quả vị Phật-đà,
hiện thân “tha thọ dụng”,
Bồ-tát và chúng sinh
thấm nhuần ơn hóa độ.

---o0o---

04. THỨC LIỄU BIỆT CẢNH (SÁU THỨC TRƯỚC)

Thứ ba: *Liễu-biệt-cảnh*,
gồm sáu thức khác nhau:
Nhân, Nhĩ, Tị, Thiệt thức,
Thân thức và Ý thức.
Do từ Căn-bản thức,
nương căn, trần làm duyên,
sáu thức này hiện khởi,
như sóng nương trên nước.

---o0o---

04a. Ý THỨC (THỨC THỨ SÁU)

Do Ý căn (Mạt-na)
tiếp xúc với pháp trần,
chứng tử từ Tàng thức
chuyển hiện ra *Ý thức*.
Tánh: thiện, ác, vô-kí.
Đối tượng gồm ba cảnh:
tánh-cảnh, đới-chất-cảnh,
đặc biệt độc-ảnh-cảnh.
Duyên cảnh bằng ba cách:
hiện-lượng (chân và tợ),
thường xuyên là tỉ-lượng,
nhiều trường hợp phi-lượng.
Hoạt động dễ nhận biết
ở cả hai hình thái:
là *Ý thức ngũ-câu*;
và *Ý thức độc-đầu*.
Bốn trạng thái độc-đầu:
là Ý thức tán-vị,
Ý thức trong thiền định,

trong mộng, và điên loạn.
Thức này thường tương ứng
năm mươi một tâm sở:
năm tâm sở **biến-hành**
(đủ cả ba cảm thọ);
năm **biệt-cảnh** là *dục*,
thăng-giải, *niệm*, *định*, *tuệ*,
mỗi một tâm sở này
đối tượng duyên khác nhau;
mười một **thiện** tâm sở:
tín, *tàm*, *quí*, *vô-tham*,
vô-sân và *vô-si*,
cần, *an*, *bất-phóng-dật*,
hành-xả và *bất-hại*;
sáu **căn-bản phiền-não**:
tham, *sân hận*, *si mê*,
mạn, *nghi*, và *ác-kiến*;
hai mươi **tùy-phiền-não**,
chia ra tiểu, trung, đại:
mười phiền não **tiểu-tùy**:
phẫn, *hận*, *phú*, *não*, *tật*,
xan, *cuống*, *siểm*, *hại*, *kiêu*;
hai phiền não **trung tùy**:
vô-tàm và *vô-quí*;
tám phiền não **đại-tùy**:
trạo-cử với *hôn-trâm*,
bất-tín cùng *giải-đãi*,
phóng-dật và *thất-niệm*,
tán-loạn, *bất-chánh-tri*;
bốn tâm sở **bất-định**:
hối, *miên*, *tâm* và *từ*,
mỗi loại tâm sở này

có thể thiện hay ác.
Ý thức luôn biến đổi:
hết thiện sang bất thiện,
lại đến lúc vô kí;
đang khi ở Dục giới,
cũng vào định Sắc giới,
hoặc định Vô-sắc giới;
vui, buồn... bao tâm hành
thay nhau đến rồi đi...
Nương tánh “thẩm” của Ý,
làm động lực mạnh mẽ,
sai khiến thân và miệng
tạo các nghiệp dẫn, mãi.
Dùng chánh niệm quán sát
hoạt động của Ý thức,
có thể biết dễ dàng
quả báo trong ba cõi.
Ý thức thường hiện khởi,
trừ ở trời Vô-tướng,
trong hai định vô-tâm,
ngủ say, và bất tỉnh.
Khi lên Hoan-hỉ địa,
Bồ-tát chỉ đoạn trừ
phân-biệt ngã pháp chấp;
nhưng *câu-sinh* vẫn còn.
Bước lên Bất-động địa,
Ý thức thuần vô lậu,
thành trí “*Diệu-quán-sát*”,
sáng soi cõi đại-thiên.

04b. NĂM THỨC TRƯỚC (TIỀN NGŨ THỨC)

Nhãn, Nhĩ, Tị, Thiệt, Thân,
gọi chung “*năm thức trước*”,
cũng gọi “*năm thức thân*”,
là *năm thức cảm giác*.

Do năm căn phù-trần
đôi trước năm trần cảnh,
chúng tử từ Tàng thức
nương nơi tịnh-sắc-căn
phát hiện ra năm thức;
hoặc chung, hoặc không chung.

Người thường khó phân biệt
thức và **căn** khác nhau.

Khi hoạt động độc lập:
hiện lượng; duyên tánh cảnh;
đầy đủ cả ba tánh;
năm tâm sở biến-hành.

Thời thường hoạt động chung
cùng ý thức ngũ-câu:
về lượng, cũng như cảnh,
đều tùy thuộc Ý thức;
ba mươi bốn tâm sở:
biến-hành, biệt-cảnh, thiện,
hai trung, tám đại-tùy,
cùng với tham, sân, si.

Nhãn thức chín duyên sinh;
Nhĩ thức tám duyên sinh;
Tị, Thiệt và Thân thức
chỉ cần bảy duyên sinh.

Nhãn, Nhĩ, Tị, Thiệt, Thân:
hai trước căn cảnh li,

ba sau căn cảnh hợp,
để nhận rõ trần thế.
Ngũ-thú-tạp-cư địa:
đủ năm thức hiện hành;
Sơ-thiền: Nhãn, Nhĩ, Thân;
từ Nhị-thiền: không hiện.
Khi được trí Hậu-đắc,
năm thức duyên chân như
qua thế giới hiện tượng,
nhận rõ sanh, pháp không.
Trí Đại-viên phát sinh,
năm thức thuần vô lậu,
chuyển trí “*Thành-sở-tác*”,
độ sinh thoát khổ luân.

---o0o---

05. DUY THỨC

Các thức ấy chuyển biến,
có phân biệt (kiến phần),
bị phân biệt (tướng phần),
đó là Ngã và Pháp.
Ngã và Pháp nếu là
sự biến hiện của thức,
thì đều không hiện hữu;
nên tất cả là THỨC.
Do thức Nhất-thiết-chủng
hằng chuyển biến trùng trùng,
nhờ năng lực triển chuyển,
mọi thứ phân biệt sinh.
Do tập khí các nghiệp,
và tập khí hai thủ,

dị thực trước vừa hết,
liền sinh dị thực sau.

---o0o---

06. BA TỰ TÁNH VÀ BA VÔ TÁNH CỦA VẠN PHÁP

Do tánh biến-kế-chấp
biến kế tất cả vật,
“biến-kế-sở-chấp” này,
vốn không có tự tánh.
Vạn pháp đều nương nhau,
phát sinh và hiện hữu;
nên tự tánh của chúng
gọi là: **“y-tha-khởi”**.
Do quán chiếu thấy rõ
vạn pháp “y tha khởi”,
xa lìa tánh biến kế,
hiện tánh **“viên-thành-thật”**.
Tự tánh viên-thành-thật
cùng tánh y-tha-khởi
không khác, không không khác;
cả hai không tách rời.
Không thấy tánh vô-thường,
không đạt cảnh niết-bàn;
không thấy tánh y-tha,
không đạt viên-thành-thật.
Từ ba tự-tánh này
lập nên ba “vô-tánh”;
mật ý Phật dạy rằng:
vạn pháp không tự tánh.
Trước hết **“tướng vô tánh”**:

Tướng biên-kế-sở-chấp
hư vọng không thật có,
nên không có tự tánh.

Kế, “**vô tự nhiên tánh**”:
Các pháp do duyên sinh,
không phải tự nhiên có,
nên không có tự tánh.

Sau, “**thắng-nghĩa vô tánh**”:
Do lia biên-kế chấp,
viên-thành-thật hiện tiền,
nên không có tự tánh.
Thắng nghĩa của vạn pháp
cũng tức là Chân-như,
(tánh nó là như thế),
tức *Thật tánh Duy-thức*.

---o0o---

07. NĂM ĐỊA VỊ TU CHỨNG

Khi phát tâm bồ đề,
nhưng còn chưa an trú
trong thể tánh Duy-thức,
thuộc địa vị **Tư-lương**;
kiến chấp Ngã và Pháp
tạm ngưng trên Ý thức,
còn tùy-miên của chúng
chưa điều phục diệt trừ.

Do tu duy-thức-quán,
vừa an trụ phần nhỏ
trong thể tánh Duy-thức,
đó là **Gia-hạnh** vị;

nhưng vì thấy “có trụ”
(tức thấy có “sở đắc”),
nên chưa thật an trụ
trong thể tánh Duy-thức.
Khi đối *cảnh sở-duyên*,
trí không thấy sở đắc,
đã dứt trừ hai thủ
(ngã chấp và pháp chấp),
là địa vị **Thông-đạt**;
năng, sở như huyễn hóa,
bấy giờ mới thực sự
an trụ **Duy-thức tánh**.
Cảnh giới “*vô-sở-đắc*”
thật không thể nghĩ bàn,
là trí xuất-thế-gian
(tức trí vô-phân-biệt).
Đó là **Tu-tập** vị,
dứt sạch sở-tri chướng,
tuyệt trừ phiền-não chướng,
thành tựu quả Chuyên-y.
Đây cảnh giới Vô-lậu,
là địa vị **Cứu-cánh**,
cảnh giới không nghĩ bàn,
cảnh giới cực thuần thiện,
cõi thanh tịnh chân thường,
an lạc, giải thoát thân,
đại tịch mặc, pháp thân,
vô thượng chánh đẳng giác.

HẠNH CƠ

Miền Tây Gia-nã-đại, 2010

---o0o---

Hét